TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 339/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Bình;

Ông Lê Văn Phu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích M (Bích), sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số nhà 445, tổ 20, ấp BĐ, xã NH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Số nhà 541, tổ 22, ấp PH, xã PH1, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà M, ông V đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà M (Bích) trình bày: Hôn nhân của bà với ông

Nguyễn Thanh V do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH1, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 09/3/2011. Sau khi kết hôn cả hai lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, khoảng năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình giữa hai bên không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, cải vã, ông V không lo làm ăn mà chỉ ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, nhiều lần bà phải đứng ra trả nợ thay, bà và cha mẹ ông V có khuyên can nhiều lần nhưng ông không nghe, không sửa đổi. Bà và ông V không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay yêu cầu xin ly hôn với ông V.

-Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/10/2012, cháu hiện nay đang sống với bà M và gia đình bà. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày: Thời gian mới cưới vợ đúng là ông có ăn chơi khoảng 02 năm. Tuy nhiên sau đó ông chí thú làm ăn, do giai đoạn đầu làm ăn thua lỗ nên khi ông về nhà bị cha, mẹ vợ và vợ hiểu lầm là ông ăn chơi mới xảy ra cơ sự nên từ đó sinh ra cự cãi. Thời gian gần đây ông làm ăn có lợi nhuận nên nay ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Ngày 20/7/2019 ông có về thăm vợ con và vợ ông có gặp ông, có nói là không muốn ly hôn nhưng do sức ép gia đình nên phải làm vậy. Nay ông không đồng ý ly hôn, lý do vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng, đúng là trong đời sống chung ông có lời lẽ to tiếng với vợ nhưng đó là do tính tình của ông nóng nảy. Ông xác định là thời gian chung sống ban đầu ông thiếu trách nhiệm, ít quan tâm vợ con nhưng nay ông đã tu chỉnh bản thân, đã có công việc ổn định, ông cảm thấy mình đã có thể đảm đương gia đình. Nếu vợ ông vẫn cương quyết ly hôn thì ông không kí vào đơn, để cho Tòa án quyết định. Hiện ông và bà M không còn sống chung khoảng 03 tháng nay. Thời gian không còn sống chung giữa ông và bà M vẫn có liên lạc nhưng chỉ vài lần do ông điện thoại thì vợ ông muốn nghe máy thì nghe, không thì thôi và từ ngày 26/7/2019 đến nay thì không thể liên lạc được. Thời gian ly thân vợ ông cũng có dẫn con lên thăm ông (do ông đang làm ở thành phố Hồ Chí Minh) vài lần.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, hiện đã 07 tuổi đang sống với bên ngoại và vợ ông thì ông xin được quyền nuôi con, không cấp dưỡng. Còn nếu con giao cho vợ ông nuôi thì ông cấp dưỡng hàng tháng là 3.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông V theo quy định nhưng ông vắng mặt không lý do.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 26/7/2019, được bà Nguyễn Thị Út là mẹ của ông V cho biết hôn nhân giữa V và M là do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn cả hai lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, trong quá trình làm thuê giữa hai bên có mâu thuẫn hay không bà không biết nhưng theo bà biết thì V có ăn chơi, cờ bạc dẫn đến việc cả hai không còn sống chung. Giữa V và M có 01 con chung tên T hiện đang sống với M và gia đình. Tài sản chung và nợ chung bà không biết. Hiện V vẫn còn đăng ký hộ khẩu chung với bà và thường tới lui thăm bà và M, thời gian gần nhất V về là vào tháng 6/2019.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2019 được công an xã PH1 cho biết hiện ông V vẫn còn đăng ký thường trú tại xã theo tàng thư công an đang giữ.

Tại phiên tòa bà M vẫn bảo lưu ý kiến. Ông V thuận tình ly hôn, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng như xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ…là đúng quy định pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà M và ông V có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/10/2012, cháu hiện nay đang sống với bà M và gia đình. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu T sau này được tốt nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà M là giao cháu lại cho bà được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và theo lời trình bày của ông V thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên nếu Tòa án giao cháu T cho bà M nuôi dạy, đây là sự tự nguyện của ông, thể hiện ý chí của người cha đối với con chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích M khởi kiện yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con chung với ông Nguyễn Thanh V, ông V có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M và ông V có đăng ký kết hôn theo quy định nên lá hôn nhân hợp pháp được công nhận theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà M ly hôn với ông V thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình giữa hai bên không hợp, ông V chỉ lo ăn chơi mà không quan tâm gia đình dẫn đến nợ nần, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Ông V cũng thừa nhận là thời gian đầu chung sống ông có ăn chơi, sống phóng túng ít quan tâm vợ con khoảng 2 năm và điều này cũng được thể hiện qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị Út là mẹ ông V. Thời gian không còn chung sống với nhau bà M không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Tại phiên tòa bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V, không đồng ý đoàn tụ và ông V cũng thuận tình ly hôn. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/10/2012 đang sống với bà M và gia đình và do chưa đủ 7 tuổi nên không thể ghi nhận ý kiến của con chung. Để đảm bảo điều kiện phát triển và sự ổn định về tâm, sinh lý của cháu sau này được tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M là giao cháu cho bà được nuôi dạy.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà M và ông V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông V phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích M.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

- Về con chung: Bà M được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/10/2012 hiện đang sống chung với bà M. Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, thuộc quyển số 01 cấp ngày 09/3/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã PH1 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011375 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã PH1 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS,VP (2);

Nguyễn Quang Bảo